

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Tuyết Thanh
Ông Nguyễn Văn Kinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX-ST ngày 17/12/2018, Quyết định hoãn định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1969; (có mặt)

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1967; (vắng mặt).

Cùng đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Số AA phố H, phường Đ, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 27/9/2018; Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 09/11/2018 và ngày 14/12/2018; nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H ngày 22/02/2001. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà để ở, đến năm 2005 khi chị H sinh con thì anh chị về chung sống tại gia đình

anh L ở số AA phố H, phường Đ, quận H, thành phố H. Thời gian anh chị sống tại nhà bố mẹ anh L, vợ chồng anh không có công sức cải tạo, sửa chữa gì. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H không có việc làm ổn định, chỉ buôn bán vặt lại ham chơi cờ bạc, thường xuyên đi qua đêm nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Anh L đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị H không nghe vẫn vay tiền của nhiều người để buôn bán nên nợ nần chồng chất không có tiền trả cho chủ nợ. Để tránh bị đòi nợ nên năm 2015 chị H đã tự dọn đi nơi khác ở không cho anh L biết chị đang ở đâu, làm gì, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ khi chị H bỏ đi nơi khác ở hàng tuần chị H vẫn gọi điện hỏi thăm con và thường đón con đi chơi vào buổi tối, bản thân anh L không gặp được chị H mà chỉ nói chuyện qua điện thoại. Thời gian chị H còn sống chung cùng gia đình anh L thường xảy ra va chạm với những người trong gia đình anh nên khi khó khăn về tiền bạc không ai giúp đỡ.

Việc anh L đưa đơn ra Tòa án xin ly hôn, chị H cũng đồng ý và hẹn anh L đến quán Caffe số BB phố N, quận L, thành phố H để bàn về việc ly hôn song chị H không ký đơn thuận tình ly hôn và nói anh L cứ nộp đơn xin ly hôn đơn phương chị, khi nào Tòa án báo gọi thì chị H sẽ đến Tòa án để giải quyết. Quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện có gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H về địa chỉ AA phố H, anh L cũng đã báo qua điện thoại với chị H, chị H đều biết và nói sẽ đến tham gia.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh L đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh L và chị H có 01 con chung là Nguyễn Huy N (nam) sinh ngày 30/01/2005. Ly hôn, anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và công nợ chung: Anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên anh L không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt. Anh L vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp

luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc L đối với chị Nguyễn Thu H.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Huy N (nam) sinh ngày 30/01/2005 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ chung: Anh L khai anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc L có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thu H. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thu H hiện cư trú tại AA phố H, phường Đ, quận H, thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận H, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc L có mặt. Bị đơn là chị Nguyễn Thu H vắng mặt. Đối với chị H Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song chị H vẫn vắng

mặt không lý do. Việc anh L xin ly hôn chị H có biết song chị không đến Tòa án để giải quyết, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không báo cho anh L biết điều đó chứng tỏ chị H đã cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H ngày 22/02/2001 là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh L và chị H chỉ hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H chơi lô đề cờ bạc, gia đình thường xuyên sống trong tình trạng có người đến đòi nợ, đỉnh điểm của mâu thuẫn là năm 2014 và không có hạnh phúc. Từ năm 2015 chị H đã bỏ đi nơi khác ở để tránh nợ và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, anh kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ tháng năm 2015 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong thời gian ly thân, chị Hương đã chuyển đến ở nhiều địa chỉ khác nhau nhưng không cho anh Long biết địa chỉ nơi ở, vợ chồng không liên lạc với nhau nên không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy anh Long cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa anh L và chị H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh L yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh L và chị H có 01 con chung là Nguyễn Huy N (nam) sinh ngày 30/01/2005. Ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ năm 2015 anh L chị H đã sống ly thân, anh L và con vẫn ở nhà mẹ đẻ anh cho đến nay, cháu N vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, anh L có công việc thu nhập ổn định. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của

anh L, tiếp tục giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Long không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị H theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- Về tài sản, nhà đất ở chung: Anh L, khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn anh L tự lo nơi ở của mình.

- Về công nợ chung: Anh L khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; anh Long phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn chị Nguyễn Thu H.
2. Về con chung: Xác nhận anh L và chị H có một con chung là Nguyễn Huy N (nam); sinh ngày 30/01/2005. Giao con chung cho anh Nguyễn Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 01/2019 đến năm con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị H nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai và ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002589 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh Bình